



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	020001	LÊ TRƯỜNG AN	Nam	15/08/2010	7.6	8.3	8.31	8.56	8.19	6.75	8.00	7.25	0.0	0.0	17.86	
2	020002	LÝ THỊ KHÁNH AN	Nữ	12/03/2010	6.84	6.61	6.99	7.05	6.87	4.92	4.00	3.50	1.0	0.0	11.76	
3	020003	NGÔ GIA AN	Nữ	15/08/2010	8.64	8.64	7.56	7.9	8.19	6.00	6.25	6.25	0.0	0.0	15.41	
4	020004	NGUYỄN NGỌC KHÁNH AN	Nữ	08/10/2010	8.79	8.74	8.5	8.09	8.53	5.00	5.75	8.25	0.0	0.0	15.86	
5	020005	NGUYỄN PHÚC AN	Nam	03/02/2010	6.75	7.15	7.01	6.68	6.9	6.75	4.00	5.25	0.0	0.0	13.27	
6	020006	NGUYỄN QUỐC AN	Nam	22/04/2010	9	9.46	9.15	9.08	9.17	8.00	8.00	8.75	0.0	0.0	20.08	
7	020007	PHẠM NGUYỄN THÚY AN	Nữ	14/10/2010	7.71	7.54	7.8	7.08	7.53	7.00	2.25	3.50	0.0	0.0	11.18	
8	020008	BÙI LÊ HOÀI ANH	Nam	05/07/2010	8.76	8.58	8.26	8.48	8.52	6.50	6.25	7.75	0.0	0.0	16.91	
9	020009	CAO NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	10/04/2010	6.61	7.94	7.45	7.4	7.35	6.50	3.25	4.75	0.0	0.0	12.36	
10	020010	DƯƠNG HUỲNH ANH	Nữ	12/10/2010	7.61	7.93	7.38	7.33	7.56	6.25	4.50	3.25	0.0	0.0	12.07	
11	020011	ĐẶNG HỒ TƯỜNG ANH	Nữ	17/09/2010	8.48	7.63	7.99	7.61	7.93	7.25	4.75	6.00	0.0	0.0	14.98	
12	020012	ĐỖ NGỌC ANH	Nữ	01/07/2010	8.54	7.35	7.58	8.33	7.95	8.25	6.00	6.50	0.0	0.0	16.91	
13	020013	HOÀNG LÊ QUỲNH ANH	Nữ	22/09/2010	8.91	9.05	9.13	9.13	9.06	8.50	5.25	7.00	0.0	0.0	17.24	
14	020014	HOÀNG NHẬT ANH	Nữ	15/12/2010	8.48	7.7	7.44	7.16	7.7	6.00	5.25	8.75	0.0	0.0	16.31	
15	020015	HỒ NGỌC MINH ANH	Nữ	17/10/2010	7.08	7.88	8.26	7.73	7.74	7.50	6.00	7.25	0.0	0.0	16.85	
16	020016	HỒ NGUYỄN THÁI ANH	Nam	18/12/2010	7.44	7.78	7.78	7.84	7.71	6.25	4.25	6.75	0.0	0.0	14.39	
17	020017	HUỲNH THỊ NGỌC ANH	Nữ	16/02/2010	8.08	8.09	7.24	7.58	7.75	7.75	2.25	3.75	0.0	0.0	11.95	
18	020018	LÂM MINH PHƯƠNG ANH	Nữ	13/01/2010	6.05	5.61	6.43	6.75	6.21	5.00	2.75	1.75	0.0	0.0	8.51	
19	020019	LÊ MINH ANH	Nữ	19/05/2010	7.79	7.1	6.75	7.05	7.17	7.00	4.00	5.50	0.0	0.0	13.70	
20	020020	LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	20/03/2010	5.93	6.49	7	7.73	6.79	5.67	5.50	4.00	0.0	0.0	12.66	
21	020021	NGUYỄN CAO HỒNG ANH	Nữ	03/02/2010	7.53	8.09	7.61	7.28	7.63	6.50	2.50	4.50	0.0	0.0	11.74	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
22	020022	NGUYỄN CAO PHƯƠNG ANH	Nữ	15/06/2010	6.58	6.96	7.38	7.01	6.98	5.00	3.50	3.75	0.0	0.0	10.67	
23	020023	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	20/03/2010	7.86	8.06	7.28	7.46	7.67	6.50	2.75	8.50	0.0	0.0	14.73	
24	020024	NGUYỄN HÀ TRÂM ANH	Nữ	08/06/2010	8.44	7.54	7.61	7.3	7.72	6.75	3.00	4.50	0.0	0.0	12.29	
25	020025	NGUYỄN HỒNG HUỲNH ANH	Nữ	18/02/2010	6.26	5.93	6.4	6.69	6.32	5.25	4.25	4.75	0.0	0.0	11.87	
26	020026	NGUYỄN LÊ TRÂM ANH	Nữ	09/05/2010	8.61	8.94	8.89	8.9	8.84	8.00	6.25	5.50	0.0	0.0	16.48	
27	020027	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	Nữ	19/05/2010	8.84	8.98	8.89	8.96	8.92	8.75	7.25	7.75	0.0	0.0	19.30	
28	020028	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	Nữ	25/11/2010	8.01	8.51	8.64	8.54	8.43	5.75	6.00	6.75	0.0	0.0	15.48	
29	020029	NGUYỄN NHẬT TRÂM ANH	Nữ	07/05/2010	7.68	8.6	8.75	8.78	8.45	8.25	6.25	5.25	0.0	0.0	16.36	
30	020030	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	Nữ	22/03/2010	7.84	6.88	7.08	6.48	7.07	5.00	2.00	1.75	0.0	0.0	8.25	
31	020031	NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	24/12/2010	6.96	7.09	7.09	7.39	7.13	4.00	4.00	6.75	0.0	0.0	12.46	
32	020032	NGUYỄN VÔ QUANG ANH	Nam	29/10/2010	7.89	7.65	7.5	7.73	7.69	4.50	7.25	7.50	0.0	0.0	15.78	
33	020033	PHẠM HUỲNH TUẤN ANH	Nam	03/08/2010	4.91	5.61	5.36	5.69	5.39	5.50	2.25	5.25	0.0	0.0	10.72	
34	020034	PHẠM NHẬT ANH	Nam	05/02/2010	7.76	7.74	7.68	7.63	7.7	5.00	4.50	3.75	0.0	0.0	11.59	
35	020035	PHẠM TRƯƠNG NGỌC ANH	Nữ	01/03/2010	8.21	7.96	8.33	8.31	8.2	8.00	6.50	6.25	0.0	0.0	16.99	
36	020036	TÔ NGỌC DIỆU ANH	Nữ	14/08/2010	8.66	8.48	8.9	8.96	8.75	7.75	6.25	6.50	0.0	0.0	16.98	
37	020037	TRẦN NGỌC KIM ANH	Nữ	25/03/2010	5.79	6	6.86	6.44	6.27	4.00	0.50	3.25	0.0	0.0	7.31	Liệt
38	020038	TRẦN SƠN ANH	Nam	14/12/2010	7.54	7.89	7.99	7.8	7.81	6.50	6.75	5.75	0.0	0.0	15.64	
39	020039	LÊ HOÀNG ÂN	Nam	05/07/2010	6.96	7.31	6.96	7.4	7.16	3.50	6.00	4.25	0.0	0.0	11.77	
40	020040	NGUYỄN THIÊN BÁCH	Nam	18/08/2010	7.16	6.96	6.08	6.96	6.79	5.50	5.00	2.50	0.0	0.0	11.14	
41	020041	HÀ GIA BẢO	Nam	24/12/2010	7.83	8.26	8.66	8.33	8.27	6.00	7.50	7.75	0.0	0.0	17.36	
42	020042	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	29/07/2010	6.69	6.65	7.29	6.29	6.73	5.75	4.75	6.75	0.0	0.0	14.09	
43	020043	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	26/07/2010	8.45	7.61	7.93	7.74	7.93	5.75	6.25	5.25	0.0	0.0	14.45	
44	020044	PHAN MINH GIA BẢO	Nam	06/11/2010	7.91	6.73	6.83	7.6	7.27	4.75	5.00	4.75	0.0	0.0	12.33	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
45	020045	TRẦN GIA BẢO	Nam	18/12/2010	6.18	6.21	6.7	6.94	6.51	3.75	5.75	4.00	0.0	0.0	11.40	
46	020046	TRỊNH QUỐC BẢO	Nam	28/03/2010	9.05	8.75	8.85	9.16	8.95	8.25	6.25	7.25	0.0	0.0	17.91	
47	020047	TRỊNH THỊ THANH BÌNH	Nữ	24/09/2010	7.58	8.18	8.3	7.71	7.94	6.00	3.75	8.25	0.0	0.0	14.98	
48	020048	LÊ BÌNH CHÂU	Nam	06/11/2010	8.14	6.84	7.05	6.58	7.15	6.00	6.50	5.00	0.0	0.0	14.40	
49	020049	LÊ NGỌC MINH CHÂU	Nữ	22/10/2010	7.44	7.54	7.44	6.21	7.16	6.50	2.25	6.50	0.0	0.0	12.82	
50	020050	NGUYỄN ĐIỀU CHÂU	Nữ	09/11/2010	8.54	8.61	8.65	8.78	8.65	7.00	7.25	7.50	0.0	0.0	17.82	
51	020051	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	06/02/2010	7.61	8.35	7.23	7.63	7.71	5.25	2.50	6.00	0.0	0.0	11.94	
52	020052	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	12/09/2010	6.08	6.53	6.4	6.75	6.44	5.00	3.25	3.75	0.0	0.0	10.33	
53	020053	TÔ HOÀNG CHÂU	Nữ	31/07/2010	7.76	8.16	7.93	7.63	7.87	6.50	5.50	6.00	0.0	0.0	14.96	
54	020054	ĐẶNG THỊ ĐIỂM CHI	Nữ	09/07/2010	8.59	8.35	7.98	8.49	8.35	7.50	8.25	6.00	0.0	0.0	17.73	
55	020055	BÙI HỮU CHÍ	Nam	11/04/2010	7.1	6.81	7.19	7.11	7.05	4.50	4.00	4.25	0.0	0.0	11.04	
56	020056	NGUYỄN CƯỜNG CHÍ	Nam	02/03/2010	7.75	8.29	7.86	7.55	7.86	4.50	3.50	5.75	0.0	0.0	11.98	
57	020057	NGUYỄN NHỨT CƯỜNG	Nam	10/09/2010	7.5	6.96	7.36	6.24	7.02	3.00	4.50	2.75	0.0	0.0	9.28	
58	020058	ĐẶNG THÀNH DANH	Nam	20/04/2010	7.93	7.64	7.79	7.66	7.76	5.50	2.50	2.75	0.0	0.0	9.85	
59	020059	TÔ THỊ KIỀU ĐIỂM	Nữ	20/02/2010	7.14	7.09	6.95	7.26	7.11	4.25	5.25	5.00	0.0	0.0	12.28	
60	020060	NGUYỄN TRẦN KIM DIỆP	Nữ	15/08/2010	7	7.73	7.35	7.51	7.4	4.50	3.25	3.00	0.0	0.0	9.75	
61	020061	HUỲNH TUẤN DUY	Nam	04/11/2010	5.41	5.69	6.36	6.55	6	7.25	3.25	3.25	0.0	0.0	11.43	
62	020062	NGUYỄN NHẬT ANH DUY	Nam	21/12/2010	7.41	7.35	6.99	7.24	7.25	6.50	6.25	7.75	0.0	0.0	16.53	
63	020063	NGUYỄN THANH DUY	Nam	08/07/2010	6.73	7.25	7.2	6.89	7.02	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.11	Liệt
64	020064	TRẦN ĐỨC DUY	Nam	23/01/2010	8.44	8.34	8.41	8.1	8.32	7.25	6.25	6.00	0.0	0.0	16.15	
65	020065	TRẦN NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	29/04/2010	6.88	6.54	6.43	6.11	6.49	4.25	4.50	4.25	0.0	0.0	11.05	
66	020066	TRẦN QUỐC DUY	Nam	23/04/2010	6.7	6.43	6.83	7.25	6.8	4.00	5.75	3.50	0.0	0.0	11.32	
67	020067	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	06/01/2010	7.03	7.44	7.13	7.31	7.23	4.00	4.25	3.25	0.0	0.0	10.22	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
68	020068	NGUYỄN A TUẤN DŨNG	Nam	23/11/2010	5.9	4.98	5.09	5.64	5.4	3.25	2.75	3.50	0.0	0.0	8.27	
69	020069	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	Nam	29/08/2010	7.39	7.41	7.86	7.66	7.58	6.75	7.00	7.50	0.0	0.0	17.15	
70	020070	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	28/03/2010	6.14	6.88	7.41	6.44	6.72	4.50	2.00	3.75	0.0	0.0	9.19	
71	020071	TRẦN MẠNH DŨNG	Nam	30/05/2010	7.61	7.28	7.04	6.98	7.23	5.25	5.75	3.50	0.0	0.0	12.32	
72	020072	LÊ TIẾN DƯƠNG	Nam	14/05/2010	7.31	6.59	7.11	6.95	6.99	6.50	3.50	6.50	0.0	0.0	13.65	
73	020073	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	Nam	30/10/2010	8.76	8.59	8.2	8.84	8.6	6.75	7.50	8.50	0.0	0.0	18.51	
74	020074	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	Nam	14/08/2010	7.35	8.23	7.48	7.31	7.59	3.75	0.50	2.50	0.0	0.0	7.00	Liệt
75	020075	ĐỖ QUỐC ĐẠT	Nam	09/04/2010	5.76	5.26	6.51	7.05	6.15	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.85	Liệt
76	020076	LÊ THÀNH ĐẠT	Nam	17/05/2010	7.44	7.71	8.11	7.95	7.8	6.75	2.50	4.75	0.0	0.0	12.14	
77	020077	MAI QUỐC ĐẠT	Nam	14/08/2010	8.28	8.04	7.64	7.2	7.79	5.75	5.50	6.50	0.0	0.0	14.76	
78	020078	NGÔ QUÝ ĐẠT	Nam	16/11/2010	7.01	7.08	7	7.1	7.05	4.75	6.00	3.75	0.0	0.0	12.27	
79	020079	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN ĐẠT	Nam	08/01/2010	8.14	8.24	8.5	8.98	8.47	6.50	6.50	7.75	0.0	0.0	17.07	
80	020080	NGUYỄN LÊ THÀNH ĐẠT	Nam	08/04/2010	7.39	8.13	7.59	7.88	7.75	4.25	2.50	3.50	0.0	0.0	9.50	
81	020081	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	Nam	10/09/2010	5.14	5.31	5.18	5.45	5.27	3.75	0.00	3.00	0.0	0.0	6.31	Liệt
82	020082	NGUYỄN PHONG ĐẠT	Nam	22/10/2010	7.45	6.64	6.59	6.78	6.87	5.00	3.00	5.75	0.0	0.0	11.69	
83	020083	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	08/02/2010	7.45	7.63	8.28	8.34	7.93	5.50	6.25	5.25	0.0	0.0	14.28	
84	020084	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	20/11/2010	6.46	6.48	6.8	6.2	6.49	4.75	3.50	3.75	0.0	0.0	10.35	
85	020085	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	28/12/2010	7.56	7.78	7.56	7.55	7.61	4.75	5.00	4.50	0.0	0.0	12.26	
86	020086	NGUYỄN THÁI ĐẠT	Nam	10/03/2010	6.3	6.03	6.24	6.61	6.3	5.00	3.25	5.50	0.0	0.0	11.52	
87	020087	PHAN TUẤN ĐẠT	Nam	05/06/2010	7.13	6.79	6.91	7.06	6.97	5.50	4.75	5.25	0.0	0.0	12.94	
88	020088	PHẠM PHÁT ĐẠT	Nam	21/07/2010	6.25	5.94	6.16	6.58	6.23	4.25	1.50	3.00	0.0	0.0	7.99	
89	020089	VIÊN GIA ĐẠT	Nam	14/09/2010	7.31	7.25	6.51	6.76	6.96	4.25	5.25	3.75	1.0	0.0	12.36	
90	020090	HỒ HẢI ĐĂNG	Nam	08/03/2010	6.99	6.89	7.04	7.21	7.03	5.25	6.25	7.00	0.0	0.0	15.06	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
91	020091	NGUYỄN NGỌC KHAI ĐÌNH	Nữ	23/07/2010	7.26	6.4	6.41	6.89	6.74	6.00	4.50	7.50	0.0	0.0	14.62	
92	020092	NGUYỄN THIÊN ĐỊNH	Nam	29/06/2010	8.31	8.05	8.73	8.88	8.49	7.00	4.75	9.00	0.0	0.0	17.07	
93	020093	PHÙNG THÁI ĐỊNH	Nam	24/04/2010	6.24	6.39	6.63	7.01	6.57	3.50	4.75	3.25	0.0	0.0	10.02	
94	020094	NGUYỄN VIỆT ĐỒNG	Nam	31/10/2010	5.71	5.65	6.43	6.13	5.98	1.00	1.00	3.00	0.0	0.0	5.29	
95	020095	PHẠM HÀ NGỌC ĐUỒNG	Nữ	09/10/2010	8.95	8.55	8	8.31	8.45	6.00	5.75	5.25	0.0	0.0	14.44	
96	020096	ĐỖ HOÀNG MINH ĐỨC	Nam	12/07/2010	6.56	6.73	7.48	7.2	6.99	6.25	8.25	4.25	0.0	0.0	15.22	
97	020097	NGÔ QUÝ ĐỨC	Nam	16/11/2010	6.48	7.2	7.28	7.14	7.03	6.00	5.25	5.00	0.0	0.0	13.48	
98	020098	PHAN NGỌC HƯƠNG GIANG	Nữ	23/07/2010	7.94	8.03	7.51	7.69	7.79	7.00	5.75	5.75	0.0	0.0	15.29	
99	020099	PHẠM NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	26/04/2010	8.03	8.49	7.89	8.4	8.2	6.08	5.00	7.25	0.0	0.0	15.29	
100	020100	PHẠM QUỲNH GIAO	Nữ	01/05/2010	7.61	6.63	7.48	7.7	7.36	5.75	5.50	5.50	0.0	0.0	13.93	
101	020101	ĐÌNH NGÔ LAM HÀ	Nữ	04/11/2010	8.38	8.36	8.48	8.59	8.45	7.50	6.00	6.00	0.0	0.0	16.19	
102	020102	LÊ NGỌC KHÁNH HÀ	Nữ	06/11/2010	6.81	6.73	6.64	7.43	6.9	5.00	4.75	4.25	0.0	0.0	11.87	
103	020103	LÊ NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	29/06/2010	7.63	7.48	7.96	8.16	7.81	7.00	4.50	5.25	0.0	0.0	14.07	
104	020104	LÊ TRÚC HÀ	Nữ	12/08/2009	5.9	6.9	6.83	6.73	6.59	3.25	4.25	4.25	0.0	0.0	10.20	
105	020105	PHẠM THỊ THU HÀ	Nữ	13/04/2009	7.2	6.7	6.8	6.6	6.83	5.00	6.50	5.75	0.0	0.0	14.12	
106	020106	LÊ NHẬT HÀO	Nam	01/05/2010	5.48	4.96	5.76	6.03	5.56	1.25	0.25	2.00	0.0	0.0	4.12	Liệt
107	020107	NGUYỄN CHÍ HÀO	Nam	08/02/2010	6.94	6.43	7.21	7.24	6.96	4.25	4.50	3.75	0.0	0.0	10.84	
108	020108	NGUYỄN NHẬT HÀO	Nam	18/03/2010	7.85	8.04	7.78	7.5	7.79	5.50	5.50	6.75	0.0	0.0	14.76	
109	020109	TRẦN LÊ ANH HÀO	Nam	15/05/2010	8.3	7.36	7.64	6.59	7.47	3.50	2.25	4.75	0.0	0.0	9.59	
110	020110	TRẦN NHẬT HÀO	Nam	09/02/2010	8.44	8.86	8.93	8.5	8.68	6.25	7.25	7.50	0.0	0.0	17.30	
111	020111	VƯƠNG NHẬT HÀO	Nam	23/03/2010	6.35	7.73	7.35	7.38	7.2	4.75	6.25	1.50	0.0	0.0	10.91	
112	020112	ĐÀO VIỆT HẢI	Nam	12/12/2010	7.08	6.31	6.78	7.04	6.8	5.00	6.50	5.25	0.0	0.0	13.77	
113	020113	ĐỖ HÀ MINH HẢI	Nam	01/01/2010	6.49	7.14	6.35	6.84	6.71	4.75	3.75	3.25	0.0	0.0	10.24	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
114	020114	TRẦN BÁ HẢI	Nam	15/10/2010	5.73	5.63	6.06	7.13	6.14	3.75	7.75	5.25	0.0	0.0	13.57	
115	020115	NGUYỄN MINH HẰNG	Nữ	03/10/2010	6.1	6.74	6.6	7.14	6.65	4.50	4.00	4.00	0.0	0.0	10.75	
116	020116	PHAN VÕ MINH HẰNG	Nữ	12/06/2010	7.11	7.2	6.48	6.5	6.82	4.50	5.25	4.75	0.0	0.0	12.20	
117	020117	CAO NGỌC HÂN	Nữ	08/11/2010	7.03	6.85	7.59	7.64	7.28	6.75	5.75	7.00	0.0	0.0	15.83	
118	020118	DƯƠNG NGỌC HÂN	Nữ	04/10/2010	6.35	5.75	6.25	6.31	6.17	5.50	4.50	6.25	0.0	0.0	13.23	
119	020119	LÊ BẢO HÂN	Nữ	15/10/2010	8.7	8.79	8.7	8.54	8.68	7.75	6.25	6.25	0.0	0.0	16.78	
120	020120	PHAN BẢO HÂN	Nữ	05/09/2010	7.08	7.03	6.74	7	6.96	4.50	5.00	5.75	0.0	0.0	12.76	
121	020121	PHẠM NGỌC TUYẾT HÂN	Nữ	12/06/2010	6.08	5.95	6.4	5.73	6.04	1.50	1.25	1.75	0.0	0.0	4.96	
122	020122	TÔ GIA HÂN	Nữ	07/09/2010	7.11	7.53	7.6	7.51	7.44	5.75	4.00	5.00	0.0	0.0	12.56	
123	020123	LÊ QUỐC HIỀN	Nam	29/10/2009	5.75	6.19	6.6	5.98	6.13	5.50	2.25	5.00	0.0	0.0	10.76	
124	020124	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	27/02/2010	7.75	6.86	7.38	7.88	7.47	6.75	5.75	5.50	0.0	0.0	14.84	
125	020125	PHAN TRUNG HIẾU	Nam	18/12/2010	8.01	8.56	8.24	7.9	8.18	6.50	4.25	6.00	0.0	0.0	14.18	
126	020126	TRẦN NGỌC HÒA HIỆP	Nữ	10/02/2010	8.18	8.16	8.54	8.51	8.35	6.50	4.25	4.75	0.0	0.0	13.36	
127	020127	NGUYỄN NHƯ KIỀU HOA	Nữ	22/08/2010	8.24	8	7.63	7.94	7.95	5.25	5.00	2.00	0.0	0.0	10.96	
128	020128	NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	Nữ	23/07/2010	6.23	5.58	6.04	5.84	5.92	5.00	1.25	3.50	0.0	0.0	8.60	
129	020129	OH VĂN HOA	Nam	06/10/2010	6.31	6.71	6.51	7.31	6.71	6.50	4.00	8.00	0.0	0.0	14.96	
130	020130	VÕ TẤN HOAN	Nam	11/09/2009	7.48	7.2	7.13	7.15	7.24	5.75	2.50	2.75	0.0	0.0	9.87	
131	020131	VÕ LƯƠNG HOÀ	Nam	13/09/2010	7.11	6.58	7.33	7.7	7.18	5.50	4.00	3.25	0.0	0.0	11.08	
132	020132	HUỲNH THÁI HOÀNG	Nam	14/10/2010	6.61	6.69	7.4	8.5	7.3	6.50	9.00	6.75	0.0	0.0	17.77	
133	020133	NGUYỄN DƯƠNG HUY HOÀNG	Nam	02/04/2010	6.28	6.16	6.83	6.91	6.55	4.25	1.50	6.75	0.0	0.0	10.72	
134	020134	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	06/07/2010	8.34	7.96	7.16	7.34	7.7	4.25	6.75	5.50	0.0	0.0	13.86	
135	020135	NGUYỄN PHẠM HUY HOÀNG	Nam	19/09/2010	6.85	7.09	7.41	7.46	7.2	5.50	6.50	9.00	0.0	0.0	16.86	
136	020136	TRẦN HOÀNG	Nam	04/11/2010	7.46	7.64	7.86	7.54	7.63	6.50	4.00	3.75	0.0	0.0	12.26	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
137	020137	LÝ THU HUỆ	Nữ	20/05/2010	8.65	8.64	8.89	8.9	8.77	7.00	6.50	5.75	0.0	0.0	16.11	
138	020138	BÙI QUỐC HUY	Nam	19/08/2010	6.36	7	7.24	6.9	6.88	5.17	5.00	4.00	0.0	0.0	11.98	
139	020139	ĐẶNG GIA HUY	Nam	27/04/2010	6.51	6.61	6.16	6.19	6.37	4.75	4.25	6.00	0.0	0.0	12.41	
140	020140	ĐINH QUỐC GIA HUY	Nam	22/03/2010	6.85	8.26	7.79	7.49	7.6	4.25	2.75	5.75	0.0	0.0	11.21	
141	020141	LƯƠNG QUỐC HUY	Nam	13/01/2010	7.89	8.24	7.81	7.88	7.96	6.00	4.00	5.75	0.0	0.0	13.41	
142	020142	NGUYỄN GIA TRIỆU HUY	Nam	26/01/2010	7.53	7.53	7.71	7.53	7.58	4.50	4.00	5.25	0.0	0.0	11.90	
143	020143	NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	07/08/2010	6.4	6.51	7.19	7.38	6.87	5.42	4.00	5.25	0.0	0.0	12.33	
144	020144	NGUYỄN KHANG HUY	Nam	30/09/2010	7.16	8.05	7.98	7.39	7.65	5.75	4.50	7.25	0.0	0.0	14.55	
145	020145	TRẦN KHÁNH HUY	Nam	13/08/2010	7.1	7.59	7.86	7.83	7.6	4.00	2.00	2.25	0.0	0.0	8.06	
146	020146	TRẦN QUỐC HUY	Nam	13/09/2010	7.73	7.15	6.76	6.46	7.03	4.25	1.50	2.75	0.0	0.0	8.06	
147	020147	DƯƠNG KIM HUYỀN	Nữ	20/02/2010	7.11	7.78	8.21	8.01	7.78	5.92	6.50	7.50	0.0	0.0	16.28	
148	020148	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	06/12/2010	8.09	7.9	8.55	7.78	8.08	6.50	6.00	2.00	0.0	0.0	12.57	
149	020149	LÊ THỊ NHƯ HUỖNH	Nữ	14/07/2010	7.95	7.56	7.61	7.88	7.75	6.50	4.00	3.00	0.0	0.0	11.78	
150	020150	NGUYỄN LÊ NHƯ HUỖNH	Nữ	06/09/2010	8.08	8.4	7.58	7.96	8.01	4.83	4.25	2.50	0.0	0.0	10.51	
151	020151	TRẦN THỊ TRÚC HUỖNH	Nữ	11/03/2010	6.98	7.64	7.74	7.88	7.56	6.00	2.50	4.00	0.0	0.0	11.02	
152	020152	NGUYỄN SƠN HÙNG	Nam	10/04/2010	7.2	6.86	6.81	7.49	7.09	5.25	6.00	6.75	0.0	0.0	14.73	
153	020153	DOÃN CHÁN HÙNG	Nam	21/09/2010	7.89	7.85	7.85	8.09	7.92	7.50	6.25	8.25	0.0	0.0	17.78	
154	020154	DƯƠNG THÁI HÙNG	Nam	10/09/2010	7.61	6.64	6.04	6.4	6.67	2.75	5.00	7.00	0.0	0.0	12.33	
155	020155	ĐẶNG PHÚC HÙNG	Nam	24/11/2010	6.8	6.88	6.93	7.69	7.08	4.25	4.75	3.75	0.0	0.0	11.05	
156	020156	HUỖNH PHÚC HÙNG	Nam	25/08/2010	8.04	8.48	8.46	8.58	8.39	5.25	7.25	5.25	0.0	0.0	14.94	
157	020157	LÊ THÁI HÙNG	Nam	07/06/2010	7.81	8.24	8.54	8.7	8.32	7.75	6.75	9.25	0.0	0.0	19.12	
158	020158	NGUYỄN DUY HÙNG	Nam	03/09/2010	6.31	6.25	6.41	6.84	6.45	4.75	3.75	2.75	0.0	0.0	9.81	
159	020159	NGUYỄN GIA HÙNG	Nam	01/05/2010	7.95	8.36	7.45	7.5	7.82	3.25	3.75	4.00	0.0	0.0	10.05	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
160	020160	HUỲNH NGỌC XUÂN HƯƠNG	Nữ	11/02/2010	6.58	6.38	5.88	5.31	6.04	2.75	1.25	3.75	0.0	0.0	7.24	
161	020161	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	Nữ	08/05/2010	8.63	8.79	8.71	8.8	8.73	6.25	4.00	4.25	0.0	0.0	12.77	
162	020162	TRẦN THỊ NGÂN HƯƠNG	Nữ	25/11/2010	7.1	6.88	6.85	6.18	6.75	3.00	1.50	3.25	0.0	0.0	7.45	
163	020163	DƯƠNG KHANG HY	Nam	06/05/2010	5.79	6.66	6.55	7.04	6.51	5.08	3.00	3.50	0.0	0.0	10.06	
164	020164	NGUYỄN LÂM MINH HY	Nam	24/08/2010	8.65	8.39	8.16	7.66	8.22	6.25	5.00	7.00	0.0	0.0	15.24	
165	020165	TRƯƠNG MINH HY	Nam	10/01/2010	6.89	6.96	7.14	7.49	7.12	4.50	2.50	6.50	0.0	0.0	11.59	
166	020166	NGUYỄN PHẠM KATHYS	Nữ	24/11/2010	7.65	7.99	8.55	7.73	7.98	7.50	3.50	8.75	0.0	0.0	16.22	
167	020167	BÙI DƯƠNG KHANG	Nam	12/10/2010	7.41	6.88	7	6.61	6.98	5.25	3.50	4.25	0.0	0.0	11.19	
168	020168	CAO MINH KHANG	Nam	19/11/2010	6.05	6.98	6.7	6.86	6.65	5.50	4.75	5.25	0.0	0.0	12.85	
169	020169	CAO QUỐC KHANG	Nam	01/03/2010	5.28	5.1	5.63	5.74	5.44	3.25	1.25	2.50	0.0	0.0	6.53	
170	020170	ĐẶNG TUẤN KHANG	Nam	05/01/2010	6.66	7.81	7.73	8.06	7.57	5.58	6.75	4.00	0.0	0.0	13.70	
171	020171	ĐỖ DUY KHANG	Nam	01/12/2010	6.88	7.41	7.34	7.59	7.31	5.08	5.25	1.75	0.0	0.0	10.65	
172	020172	HỒ PHẠM LÂM KHANG	Nam	20/11/2010	6.4	7.4	7.34	7.56	7.18	4.75	2.75	3.25	0.0	0.0	9.68	
173	020173	KHA HÀ MINH KHANG	Nam	31/07/2009	5.8	6.06	7.06	6.7	6.41	6.00	1.00	5.50	1.0	0.0	11.67	
174	020174	LÂM ĐẠT KHANG	Nam	03/08/2010	7.25	7.44	7.59	7.59	7.47	6.17	4.50	4.50	0.0	0.0	12.86	
175	020175	LÊ DUY KHANG	Nam	27/06/2010	7.68	7.69	7.19	7.36	7.48	6.25	2.25	3.50	0.0	0.0	10.64	
176	020176	LÊ NGUYỄN KHANG	Nam	01/01/2010	8.4	8.09	8.08	8.33	8.23	5.25	6.75	7.00	0.0	0.0	15.77	
177	020177	NGUYỄN PHẠM HOÀNG KHANG	Nam	22/06/2010	8.68	8.29	8.24	8.53	8.44	7.50	5.50	9.50	0.0	0.0	18.28	
178	020178	NGUYỄN PHÚC KHANG	Nam	03/02/2010	6.54	6.13	6.48	6.7	6.46	5.50	4.75	6.75	0.0	0.0	13.84	
179	020179	NGUYỄN THÁI AN KHANG	Nam	05/12/2010	6.38	7.44	6.94	6.63	6.85	4.75	2.50	4.50	0.0	0.0	10.28	
180	020180	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	19/11/2010	4.89	5.24	5.65	5.75	5.38	3.67	3.25	2.75	0.0	0.0	8.38	
181	020181	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	24/03/2010	6.7	6.76	6.65	7.1	6.8	3.25	2.25	3.00	0.0	0.0	7.99	
182	020182	TRẦN GIA KHANG	Nam	01/10/2010	7.68	6.88	7.08	7.51	7.29	6.50	5.25	2.50	0.0	0.0	12.16	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
183	020183	NGUYỄN NGỌC MAI KHANH	Nữ	05/10/2010	7.6	8	8.31	8.31	8.06	7.75	8.00	9.00	0.0	0.0	19.74	
184	020184	HUỖNH DUY KHÁNH	Nam	08/04/2010	5.35	5.06	5.55	5.31	5.32	3.00	2.75	3.25	0.0	0.0	7.90	
185	020185	LÊ MINH KHÁNH	Nam	29/07/2009	8.15	7.99	6.96	7.21	7.58	5.08	4.00	2.50	0.0	0.0	10.38	
186	020186	NGUYỄN KHƯƠNG GIA KHÁNH	Nam	10/02/2010	5.66	6.11	6.19	6.04	6	4.00	2.50	4.00	0.0	0.0	9.15	
187	020187	NGUYỄN NGỌC NGÂN KHÁNH	Nữ	17/09/2010	8.35	8.75	7.55	7.38	8.01	7.50	5.50	8.50	0.0	0.0	17.45	
188	020188	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2010	7.28	7.09	7.08	7.05	7.13	4.00	6.00	9.25	0.0	0.0	15.61	
189	020189	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	26/05/2010	7.79	7.06	7.11	6.56	7.13	4.50	6.00	7.25	0.0	0.0	14.56	
190	020190	NGUYỄN VÂN KHÁNH	Nữ	07/05/2010	8.28	8.26	8.28	7.76	8.15	6.25	4.50	4.75	0.0	0.0	13.30	
191	020191	TRẦN NGỌC KHÂN	Nữ	10/06/2010	7	7.16	7.25	7.11	7.13	3.25	3.25	5.25	0.0	0.0	10.36	
192	020192	ĐẶNG ĐĂNG KHOA	Nam	25/08/2010	6.44	6.68	6.35	6.74	6.55	3.50	4.50	7.25	0.0	0.0	12.64	
193	020193	ĐINH NHẬT KHOA	Nam	16/05/2010	6.63	8.13	7.85	8.38	7.75	7.25	4.25	8.00	0.0	0.0	15.98	
194	020194	HỒ NGUYỄN ANH KHOA	Nam	07/08/2010	7.7	7.73	7.58	7.56	7.64	5.58	6.75	6.50	0.0	0.0	15.47	
195	020195	LÊ ANH KHOA	Nam	08/07/2010	7.71	8.26	8.01	8.3	8.07	6.75	7.25	4.75	0.0	0.0	15.55	
196	020196	NGUYỄN HOÀN ANH KHOA	Nam	25/07/2010	6.76	6.61	7.21	7.53	7.03	6.00	6.75	4.75	0.0	0.0	14.36	
197	020197	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA	Nam	24/03/2010	8.44	7.8	7.66	7.36	7.82	8.00	4.25	4.75	0.0	0.0	14.25	
198	020198	TRƯƠNG TẤN KHOA	Nam	20/06/2010	6.01	5.86	5.96	6.21	6.01	4.50	4.50	3.25	0.0	0.0	10.38	
199	020199	DƯƠNG THÀNH NGUYỄN KHÔI	Nam	20/03/2010	6.39	5.44	6.23	6.05	6.03	3.00	3.50	2.25	0.0	0.0	7.93	
200	020200	LÂM HOÀNG ĐĂNG KHÔI	Nam	04/12/2010	6.59	8.54	8.16	7.98	7.82	5.75	3.50	5.00	0.0	0.0	12.32	
201	020201	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	12/08/2010	6.71	6.83	7.08	6.71	6.83	4.25	1.50	4.00	0.0	0.0	8.87	
202	020202	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	20/04/2010	7.2	7.69	7.55	7.54	7.5	3.50	4.50	4.75	0.0	0.0	11.18	
203	020203	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	21/06/2010	7.45	8.14	8.26	7.94	7.95	7.75	2.25	3.00	0.0	0.0	11.49	
204	020204	VÔ ANH KHÔI	Nam	15/05/2010	6.8	7.68	7.7	8.03	7.55	6.75	5.25	8.50	0.0	0.0	16.62	
205	020205	VÔ NGUYỄN MINH KHUÊ	Nữ	04/12/2010	8	7.74	7.91	8.2	7.96	6.00	5.00	6.25	0.0	0.0	14.46	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
206	020206	CAO HỒ DUY KHƯƠNG	Nam	15/01/2010	7.7	7.13	7.36	7.68	7.47	4.92	1.25	5.25	0.0	0.0	10.24	
207	020207	NGUYỄN THÚY KIỆU	Nữ	13/04/2010	7.09	7.13	7.65	7.25	7.28	6.50	3.50	3.75	0.0	0.0	11.81	
208	020208	HỒ NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	25/08/2009	4.21	3.35	6.1	5.91	4.89	1.75	0.75	3.25	0.0	0.0	5.49	Liệt
209	020209	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	15/01/2010	7.5	6.51	5.71	5.99	6.43	3.00	2.50	5.50	0.0	0.0	9.63	
210	020210	LÊ NGỌC GIA KỶ	Nữ	06/10/2010	8.49	8.36	8.24	8.75	8.46	8.25	7.25	8.75	0.0	0.0	19.51	
211	020211	NGÔ NHƯ KỶ	Nữ	14/03/2010	9.16	8.76	8.86	8.75	8.88	8.50	4.75	8.75	0.0	0.0	18.06	
212	020212	NGUYỄN LÊ THANH LAM	Nữ	28/10/2010	6.6	6.43	6.3	6.63	6.49	5.00	2.50	2.75	0.0	0.0	9.12	
213	020213	NGUYỄN YẾN LAM	Nữ	15/01/2010	6.46	6.96	7.2	6.74	6.84	6.25	3.75	5.75	0.0	0.0	13.08	
214	020214	VÔ THỊ TRÚC LAM	Nữ	23/09/2010	7.01	6.99	7.13	7.79	7.23	5.00	3.00	3.00	0.0	0.0	9.87	
215	020215	ĐÀO HOÀNG LAN	Nữ	08/09/2010	7.64	7.55	8.11	7.88	7.8	8.00	3.50	6.75	0.0	0.0	15.12	
216	020216	NGUYỄN Ý LAN	Nữ	06/04/2010	7.03	7.09	7.33	7.73	7.3	5.50	4.25	4.25	0.0	0.0	11.99	
217	020217	NGUYỄN LÊ TÙNG LÂM	Nam	20/11/2010	7.7	7.78	7.93	8.15	7.89	7.08	7.50	8.75	0.0	0.0	18.70	
218	020218	TRẦN THANH LÂM	Nam	01/11/2010	5.76	5.56	6.5	6.71	6.13	3.75	2.75	3.75	0.0	0.0	9.01	
219	020219	LÊ THỊ YẾN LINH	Nữ	27/01/2010	7.86	7.23	7.45	7.01	7.39	8.00	2.25	5.50	0.0	0.0	13.24	
220	020220	NGUYỄN MAI NGỌC LINH	Nữ	05/11/2010	7.59	7.68	7.76	7.88	7.73	7.25	5.50	5.00	0.0	0.0	14.74	
221	020221	NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH	Nữ	04/01/2010	8.81	8.58	8.15	8.3	8.46	5.50	6.75	3.50	0.0	0.0	13.56	
222	020222	NGUYỄN TRẦN BẢO LINH	Nam	17/12/2010	6.83	7.08	7.46	8.09	7.37	7.50	6.75	7.00	0.0	0.0	17.09	
223	020223	NGUYỄN TUYẾT LINH	Nữ	11/07/2010	8.04	8.18	8.13	8.58	8.23	7.75	4.00	4.25	0.0	0.0	13.67	
224	020224	NGUYỄN TÚ LINH	Nữ	06/01/2010	7.51	8.45	8.06	7.88	7.98	8.00	3.50	3.25	0.0	0.0	12.72	
225	020225	VŨ PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	14/02/2010	8.45	8.9	9.08	8.8	8.81	6.75	7.25	8.00	0.0	0.0	18.04	
226	020226	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	15/12/2010	7.13	7.56	7.7	7.53	7.48	6.25	4.50	5.00	0.0	0.0	13.27	
227	020227	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	30/11/2010	7.7	6.54	6.81	7.31	7.09	6.00	4.50	7.50	0.0	0.0	14.73	
228	020228	TRẦN HOÀNG LONG	Nam	26/09/2010	6.85	5.96	6.44	6.23	6.37	4.00	3.25	2.75	0.0	0.0	8.91	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
229	020229	VÔ HOÀNG LONG	Nam	12/10/2010	5.44	5.81	6.08	6.45	5.95	2.75	3.50	4.00	0.0	0.0	8.96	
230	020230	BIỆN TÁN LỘC	Nam	16/02/2010	7.64	7.86	7.8	8.29	7.9	6.25	7.25	4.75	0.0	0.0	15.15	
231	020231	NGÔ TÁN LỘC	Nam	04/12/2010	6.6	6.54	6.35	7.21	6.68	5.50	5.50	5.75	0.0	0.0	13.73	
232	020232	NGUYỄN HỮU LỘC	Nam	26/09/2010	7.54	7.2	6.89	6.71	7.09	6.50	3.00	6.50	0.0	0.0	13.33	
233	020233	NGUYỄN HỮU LỘC	Nam	29/01/2010	6.71	7.41	6.94	7.08	7.04	5.50	4.00	5.25	0.0	0.0	12.44	
234	020234	NGUYỄN MINH LỘC	Nam	05/02/2010	5.91	6.68	5.99	6.08	6.17	3.50	2.25	4.25	0.0	0.0	8.85	
235	020235	NGUYỄN TÁN LỘC	Nam	10/10/2010	8.05	7.65	7.93	7.99	7.91	4.75	5.75	4.50	0.0	0.0	12.87	
236	020236	PHAN HỮU LỘC	Nam	13/05/2010	6.06	6.61	6.04	6.41	6.28	4.75	3.50	3.25	0.0	0.0	9.93	
237	020237	TRẦN GIA LỘC	Nam	03/04/2010	5.91	5.58	5.8	5.98	5.82	5.50	3.50	4.75	0.0	0.0	11.37	
238	020238	LÊ BÙI THANH LỢI	Nam	17/10/2010	7.03	7.31	7.53	8.23	7.53	6.75	7.50	7.75	0.0	0.0	17.66	
239	020239	NGÔ HOÀNG MAI	Nữ	16/07/2010	8.21	7.95	7.29	7.9	7.84	7.25	5.75	6.50	0.0	0.0	16.00	
240	020240	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	Nữ	10/10/2010	8.49	8.78	8.9	8.69	8.72	7.50	6.50	7.25	0.0	0.0	17.49	
241	020241	TRẦN THỊ PHƯỢNG MAI	Nữ	28/07/2010	7.73	7.64	7.98	7.94	7.82	6.75	4.00	4.50	0.0	0.0	13.02	
242	020242	DƯƠNG GIA MÃN	Nữ	04/03/2010	7.4	7.61	7.05	7.9	7.49	6.50	2.25	3.75	0.0	0.0	11.00	
243	020243	NGUYỄN NGỌC THẢO MI	Nữ	03/07/2010	7.1	7.45	7.89	7.36	7.45	4.25	3.00	5.25	0.0	0.0	10.99	
244	020244	HUỖNH NHẬT MINH	Nam	19/04/2010	7.61	7.35	6.95	6.68	7.15	2.75	3.50	2.50	0.0	0.0	8.27	
245	020245	LÊ NHẬT MINH	Nam	19/08/2010	8.86	8.88	8.7	8.59	8.76	5.50	7.50	7.00	0.0	0.0	16.63	
246	020246	MAI NHẬT MINH	Nam	04/06/2010	7.18	6.8	7.89	7.41	7.32	6.50	3.50	7.00	0.0	0.0	14.10	
247	020247	NGUYỄN DUY MINH	Nam	06/02/2010	7.33	7.16	7.55	7.89	7.48	7.00	6.50	4.50	0.0	0.0	14.84	
248	020248	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	25/11/2010	5.09	6.05	6.69	6.86	6.17	4.25	3.25	4.75	0.0	0.0	10.43	
249	020249	NGUYỄN HUỖNH NHẬT MINH	Nam	16/08/2010	7.26	7.79	7.71	7.61	7.59	6.25	4.50	6.00	0.0	0.0	14.00	
250	020250	NGUYỄN NGỌC KHÁNH MINH	Nữ	17/05/2010	7.59	6.94	6.81	6.33	6.92	5.25	3.75	7.00	0.0	0.0	13.28	
251	020251	NGUYỄN TIẾN MINH	Nam	22/02/2010	8.65	8.85	8.86	8.63	8.75	7.50	7.25	8.25	0.0	0.0	18.73	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
252	020252	PHẠM NGỌC MINH	Nữ	09/01/2010	9.59	9.46	9.41	9.46	9.48	8.50	8.00	9.50	0.0	0.0	21.04	
253	020253	PHẠM NHẬT MINH	Nam	20/06/2010	8.9	8.53	9.16	9	8.9	7.25	8.25	9.25	0.0	0.0	20.00	
254	020254	PHẨM THỊ QUẾ MINH	Nữ	01/07/2010	9.04	8.89	8.89	8.94	8.94	8.00	6.75	7.50	0.0	0.0	18.26	
255	020255	TRẦN LÊ MINH	Nam	29/07/2010	6.93	7.43	7.99	8.41	7.69	6.25	9.75	7.50	0.0	0.0	18.76	
256	020256	ĐẶNG THỊ TRÀ MY	Nữ	05/11/2010	6.86	7.13	8	7.64	7.41	5.50	7.00	4.75	0.0	0.0	14.30	
257	020257	ĐỖ TRẦN DIỄM MY	Nữ	19/03/2010	6.7	7.14	7.26	7.78	7.22	5.50	3.25	8.50	0.0	0.0	14.24	
258	020258	HỒ LÊ TRÀ MY	Nữ	02/04/2010	8.43	7.45	7.59	7.9	7.84	4.00	5.50	5.25	0.0	0.0	12.68	
259	020259	HUỖNH LÂM TRÀ MY	Nữ	23/06/2010	6.39	6.78	7.06	7.2	6.86	5.25	1.50	3.25	0.0	0.0	9.06	
260	020260	HỨA KHẢ MY	Nữ	14/04/2010	7.7	7.53	7.39	7.69	7.58	6.00	5.75	5.50	0.0	0.0	14.35	
261	020261	NGUYỄN LÊ THẢO MY	Nữ	30/01/2010	8.2	8	7.95	7.31	7.87	3.00	3.50	8.00	0.0	0.0	12.51	
262	020262	TÔN NỮ HÀ MY	Nữ	22/08/2010	7.19	6.9	7.41	7.74	7.31	6.50	5.75	4.00	0.0	0.0	13.57	
263	020263	TRẦN NGỌC TRÀ MY	Nữ	27/03/2010	6.73	6.78	7.2	7.25	6.99	6.00	4.00	4.75	0.0	0.0	12.42	
264	020264	HUỖNH NGUYỄN HOÀI MỸ	Nữ	22/07/2010	8.06	7.56	7.56	7.76	7.74	6.25	2.25	5.25	0.0	0.0	11.95	
265	020265	LÊ BẢO NAM	Nam	15/02/2010	8.43	8.93	8.99	8.55	8.73	7.25	6.00	8.00	0.0	0.0	17.49	
266	020266	LÊ NGUYỄN BẢO NAM	Nam	30/10/2010	6.16	7.01	7.21	6.34	6.68	3.75	3.75	7.25	0.0	0.0	12.33	
267	020267	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	08/08/2010	6.59	5.9	6.39	6.61	6.37	5.75	5.75	4.75	0.0	0.0	13.29	
268	020268	NGUYỄN HỒ NHẬT NAM	Nam	27/05/2010	7.28	6.86	6.24	6.39	6.69	4.75	3.50	7.50	0.0	0.0	13.03	
269	020269	NGUYỄN XUÂN BẢO NAM	Nam	08/05/2010	7.08	7.45	7.26	7.58	7.34	5.50	5.50	7.25	0.0	0.0	14.98	
270	020270	TRẦN NHỰT NAM	Nam	21/04/2010	7.21	7.81	7.93	7.45	7.6	5.50	2.25	3.00	0.0	0.5	10.31	
271	020271	DƯƠNG HUỖNH THẢO NGÂN	Nữ	14/11/2010	7.3	7.31	7.33	7.66	7.4	6.75	6.00	3.25	0.0	0.0	13.42	
272	020272	ĐẶNG THỊ THU NGÂN	Nữ	28/05/2010	9.21	9.05	9.18	9.03	9.12	7.00	7.25	7.00	0.0	0.0	17.61	
273	020273	HÀ NGỌC KIM NGÂN	Nữ	08/01/2010	6.26	7.4	7.43	7.46	7.14	4.50	5.75	3.25	0.0	0.0	11.59	
274	020274	LÊ HỒNG NGÂN	Nữ	20/09/2010	5.93	5.88	6.26	6.21	6.07	4.25	2.50	1.75	0.0	0.0	7.77	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
275	020275	LÊ TRẦN BẢO NGÂN	Nữ	13/02/2010	9.36	9.51	9.28	9.29	9.36	8.00	7.50	7.25	0.0	0.0	18.73	
276	020276	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	24/05/2010	6.19	7.81	7.74	7.13	7.22	5.25	0.75	3.75	0.0	0.0	8.99	Liệt
277	020277	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN	Nữ	10/11/2010	7.71	8.01	8.38	8.03	8.03	6.00	1.75	3.00	0.0	0.0	9.93	
278	020278	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	10/02/2010	7.05	6.88	7.05	7.03	7	5.25	4.25	5.25	0.0	0.0	12.43	
279	020279	NGUYỄN VƯƠNG KHÁNH NGÂN	Nữ	20/09/2010	7.68	7.89	7.04	7.05	7.42	3.75	3.25	5.50	0.0	0.0	10.98	
280	020280	TRẦN NGỌC NGÂN	Nữ	28/10/2009	4.52	3.03	5.51	5.36	4.61	1.50	1.00	3.25	0.0	0.0	5.41	
281	020281	ĐINH GIA NGHI	Nữ	08/09/2010	6.88	7.34	8.05	7.65	7.48	7.50	3.25	3.00	0.0	0.0	11.87	
282	020282	LƯU TRUNG NGHĨA	Nam	01/02/2010	7.49	8.04	6.69	6.94	7.29	5.75	2.50	3.75	0.0	0.0	10.59	
283	020283	NGUYỄN QUỐC NGHỊ	Nam	14/01/2010	7.96	7.55	7.19	7.06	7.44	5.50	4.50	8.75	0.0	0.0	15.36	
284	020284	ĐẶNG HUỠNH KIM NGỌC	Nữ	10/01/2010	8.33	8.31	8.81	8.78	8.56	6.75	8.00	8.00	0.0	0.0	18.49	
285	020285	ĐINH BẢO NGỌC	Nữ	08/03/2010	7.01	7.35	7.69	7.61	7.42	6.25	3.00	2.50	0.0	0.0	10.45	
286	020286	ĐOÀN BÍCH NGỌC	Nữ	12/06/2010	9.08	9.28	9.1	9.01	9.12	8.00	6.50	9.00	0.0	0.0	19.19	
287	020287	ĐOÀN PHẠM HỒNG NGỌC	Nữ	02/06/2010	6.71	7.49	7.4	7.24	7.21	6.50	5.50	3.50	0.0	0.0	13.01	
288	020288	LÂM THỊ ÁNH NGỌC	Nữ	23/07/2010	7.61	8.09	7.71	8.36	7.94	6.25	3.75	4.50	0.0	0.0	12.53	
289	020289	LÊ HOÀNG NGỌC	Nữ	16/06/2010	7.09	7.13	7.13	7.01	7.09	5.25	4.00	5.50	0.0	0.0	12.45	
290	020290	PHẠM HỒNG BẢO NGỌC	Nữ	12/04/2010	7.99	7.66	7.99	7.6	7.81	6.75	6.00	5.25	0.0	0.0	14.94	
291	020291	PHẠM THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	01/03/2010	7.01	7.09	7.19	7.56	7.21	6.00	4.25	4.50	0.0	0.0	12.49	
292	020292	TRẦN HUỠNH MINH NGỌC	Nữ	16/01/2010	7.44	7.21	7.06	6.61	7.08	5.00	4.25	1.50	0.0	0.0	9.65	
293	020293	TRẦN LÊ NHƯ NGỌC	Nữ	17/05/2010	8.34	7.69	7.49	7.58	7.78	6.75	2.75	6.00	0.0	0.0	13.18	
294	020294	TRẦN NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	09/01/2010	8.5	8.8	8.94	8.43	8.67	5.25	5.75	5.00	0.0	0.0	13.80	
295	020295	TRẦN NGUYỄN NHƯ NGỌC	Nữ	17/09/2010	8.54	8.99	9.21	8.99	8.93	7.50	7.00	7.00	0.0	0.0	17.73	
296	020296	LÊ TÚ NGUYỄN	Nữ	12/12/2009	5.38	5.01	5.68	6.35	5.61	6.25	3.75	3.50	0.0	0.0	11.13	
297	020297	NGÔ NGUYỄN THẢO NGUYỄN	Nữ	22/08/2010	7.11	7.98	8.03	7.93	7.76	7.50	3.00	4.75	0.0	0.0	13.00	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
298	020298	NGUYỄN KHẢI NGUYỄN	Nam	12/04/2010	7.53	8.93	8.83	8.11	8.35	6.00	8.00	8.50	0.0	0.0	18.26	
299	020299	NGUYỄN VŨ NGUYỄN	Nam	20/02/2010	7.28	7.5	7.75	7.29	7.46	4.50	3.50	7.75	0.0	0.0	13.26	
300	020300	PHẠM LÊ MINH NGUYỄN	Nam	14/07/2010	7.43	6.73	6.68	7.29	7.03	1.50	3.25	5.75	0.0	0.0	9.46	
301	020301	LÊ TRƯƠNG MINH NHÂN	Nam	21/10/2010	6.39	6.03	5.36	6.25	6.01	5.00	2.00	2.25	0.0	0.0	8.28	
302	020302	NGUYỄN HIẾU NHÂN	Nam	28/06/2010	7.91	8.5	9.21	8.65	8.57	7.00	6.25	7.00	0.0	0.0	16.75	
303	020303	NGUYỄN THÀNH NHÂN	Nam	15/05/2010	7.55	8.66	9.13	9.26	8.65	7.75	9.00	7.50	0.0	0.0	19.57	
304	020304	THÂN BẢO NHÂN	Nam	08/09/2010	7.48	6.81	7.81	7.59	7.42	4.00	5.00	8.75	0.0	0.0	14.65	
305	020305	TRẦN HIẾU NHÂN	Nam	25/04/2010	0	0	8.41	7.96	4.09	5.75	3.00	4.00	0.0	0.0	10.15	
306	020306	VÕ ĐỨC NHÂN	Nam	04/09/2010	7.69	8.2	8.1	7.98	7.99	4.00	5.75	2.75	0.0	0.0	11.15	
307	020307	HUỶNH ĐẤT NHẬT	Nam	24/04/2010	8.81	8.56	8.1	8.43	8.48	7.00	7.50	8.25	0.0	0.0	18.47	
308	020308	ĐOÀN MINH NHẬT	Nam	10/10/2010	7.04	6.64	6.3	6.16	6.54	4.50	3.50	3.50	0.0	0.0	10.01	
309	020309	ĐỖ THỊ YẾN NHI	Nữ	07/10/2010	7.54	7.25	7.35	7.3	7.36	5.00	4.00	4.50	0.0	0.0	11.66	
310	020310	LÊ NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	10/09/2010	8.09	8.33	8.58	8.36	8.34	7.25	4.25	5.25	0.0	0.0	14.23	
311	020311	LÊ PHÙNG YẾN NHI	Nữ	15/12/2010	8.03	7.85	7.86	7.61	7.84	5.50	6.50	6.25	0.0	0.0	15.13	
312	020312	LƯƠNG NGUYỄN NGỌC NHI	Nữ	13/11/2010	8.68	8.18	8.5	8.24	8.4	7.50	4.00	6.75	0.0	0.0	15.30	
313	020313	NGUYỄN NGỌC UYÊN NHI	Nữ	18/12/2010	8.54	8.53	8.73	8.56	8.59	7.00	6.50	5.00	0.0	0.0	15.53	
314	020314	NGUYỄN THỊ ÁNH NHI	Nữ	11/03/2010	8.46	8.34	8.63	8.9	8.58	8.00	7.25	8.25	0.0	0.0	19.02	
315	020315	NGUYỄN VŨ PHÚC NHI	Nữ	08/11/2010	7.35	7.36	7.91	8.09	7.68	6.00	5.50	6.25	0.0	0.0	14.73	
316	020316	PHẠM THỊ XUÂN NHI	Nữ	05/03/2010	8.78	9.29	9.25	8.89	9.05	6.25	5.75	7.25	0.0	0.0	16.19	
317	020317	QUÁCH YẾN NHI	Nữ	27/08/2010	6.76	7.75	7.48	8.04	7.51	9.00	6.00	5.50	0.0	0.0	16.60	
318	020318	VÕ NGỌC Ý NHI	Nữ	06/07/2010	8.09	8.1	8.05	8.16	8.1	6.75	6.00	8.00	0.0	0.0	16.96	
319	020319	CAO HỮU NHƠN	Nam	21/04/2010	6.54	7.11	7.55	7.45	7.16	6.00	4.25	2.50	0.0	0.0	11.07	
320	020320	LÊ THỊ CẨM NHUNG	Nữ	12/11/2010	7.81	7.23	7.58	6.21	7.21	6.00	3.00	3.25	0.0	0.0	10.74	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
321	020321	ĐẶNG VÕ NGỌC NHƯ	Nữ	12/10/2010	7.84	8.36	8.34	8.59	8.28	6.83	4.75	6.00	0.0	0.0	14.79	
322	020322	ĐỖ TRẦN QUỲNH NHƯ	Nữ	18/05/2010	7.6	7.2	7.89	7.31	7.5	6.25	4.75	6.50	0.0	0.0	14.50	
323	020323	LÊ HUỖNH KHÁNH NHƯ	Nữ	26/07/2010	8.31	8.1	8.56	8.24	8.3	6.00	6.50	8.25	0.0	0.0	17.02	
324	020324	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	25/01/2010	8.8	8.83	8.83	8.44	8.73	7.25	5.00	4.25	0.0	0.0	14.17	
325	020325	TRẦN THỊ TUYẾT NHƯ	Nữ	21/04/2010	8.36	8.48	8.59	8.64	8.52	8.25	7.50	8.25	0.0	0.0	19.36	
326	020326	TRƯƠNG HUỖNH NHƯ	Nữ	21/11/2010	6.23	6.35	6.1	6.69	6.34	4.50	4.50	1.75	0.0	0.0	9.43	
327	020327	DƯƠNG TIẾN PHÁT	Nam	04/03/2010	6.65	7.84	7.55	6.93	7.24	7.75	2.75	3.50	0.0	0.0	11.97	
328	020328	GIẢNG THÀNH PHÁT	Nam	12/10/2010	7.8	7.28	7.78	8.06	7.73	6.75	6.75	7.25	0.0	0.0	16.84	
329	020329	HÀ TẤN PHÁT	Nam	05/10/2010	7.78	7.29	7.19	6.74	7.25	4.25	5.50	7.00	0.0	0.0	13.90	
330	020330	HỒ TẤN PHÁT	Nam	22/07/2010	8.59	8.73	8.71	8.98	8.75	6.50	6.75	8.00	0.0	0.0	17.50	
331	020331	HUỖNH TẤN PHÁT	Nam	06/11/2010	7.21	6.41	6.38	6.86	6.72	5.75	5.50	6.00	0.0	0.0	14.09	
332	020332	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	19/07/2010	7.65	7.89	7.49	8.19	7.81	6.50	5.75	5.50	0.0	0.0	14.77	
333	020333	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	28/06/2010	7.04	7.49	7.26	7.11	7.23	4.75	7.25	5.75	0.0	0.0	14.59	
334	020334	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	23/10/2010	8.71	9.16	9.15	9.39	9.1	7.25	9.00	8.25	0.0	0.0	19.88	
335	020335	TRẦN HỮU PHÁT	Nam	02/06/2010	8.01	8.3	8.38	8.53	8.31	6.00	6.50	4.50	0.0	0.0	14.39	
336	020336	TRÌNH MINH PHÁT	Nam	26/06/2010	5.34	5.74	5.89	5.75	5.68	4.25	2.25	2.00	0.0	0.0	7.65	
337	020337	GIANG HỮU PHONG	Nam	05/12/2010	5.98	6.64	6.79	7.05	6.62	5.25	2.00	3.75	0.0	0.0	9.69	
338	020338	DƯƠNG NGÀN TRIỆU PHÚ	Nam	14/12/2010	6.14	5.84	6.88	6.45	6.33	4.25	0.75	5.25	0.0	0.0	9.07	Liệt
339	020339	LÂM ANH PHÚ	Nam	26/08/2010	5.88	5.55	5.4	5.35	5.55	4.00	3.50	7.25	0.0	0.0	11.99	
340	020340	LƯƠNG ĐÌNH PHÚ	Nam	23/08/2010	6.66	7.13	7.44	7.3	7.13	5.00	4.75	5.25	0.0	0.0	12.64	
341	020341	ĐẶNG HỮU PHÚC	Nam	05/09/2010	7.01	7.35	7.44	7.49	7.32	7.00	7.50	5.75	0.0	0.0	16.37	
342	020342	KHUƠNG NGUYỄN PHÚC	Nam	19/11/2010	6.56	6.16	6.2	5.53	6.11	3.50	2.75	2.75	0.0	0.0	8.13	
343	020343	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	06/09/2010	5.03	6.89	5.94	6.61	6.12	2.00	0.00	3.00	0.0	0.0	5.34	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
344	020344	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	26/03/2010	7.29	7.01	7.16	7.03	7.12	7.00	5.25	3.50	0.0	0.0	13.16	
345	020345	NGUYỄN LÊ BẢO PHÚC	Nam	25/09/2010	7.56	5.91	6.54	6.25	6.57	5.00	3.50	8.25	0.0	0.0	13.70	
346	020346	NGUYỄN THỊ DIỄM PHÚC	Nữ	01/02/2010	8.53	9.09	8.75	8.76	8.78	6.50	7.00	6.25	0.0	0.0	16.46	
347	020347	PHAN HOÀNG GIA PHÚC	Nữ	29/03/2010	7.81	7.99	7.64	7.69	7.78	6.50	4.50	6.50	0.0	0.0	14.58	
348	020348	PHAN HỒ MINH PHÚC	Nam	09/07/2010	5.31	5.26	6.19	6.95	5.93	5.00	3.25	3.00	0.0	0.0	9.65	
349	020349	PHAN NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nữ	27/09/2010	7.74	7.6	7.18	7.21	7.43	6.25	3.00	6.00	0.0	0.0	12.90	
350	020350	TRẦN QUANG PHÚC	Nam	11/08/2010	7.54	7.98	7.61	7.64	7.69	6.25	6.50	3.25	0.0	0.0	13.51	
351	020351	TRƯƠNG NGUYỄN PHÚC	Nam	10/03/2010	7.7	8.55	8.5	7.55	8.07	6.50	5.25	7.75	0.0	0.0	16.07	
352	020352	HUỶNH MAI PHƯƠNG	Nữ	28/03/2010	8.64	7.86	8.21	8.15	8.22	7.75	6.25	6.75	0.0	0.0	16.99	
353	020353	LÊ ANH PHƯƠNG	Nữ	11/12/2010	6.99	6.7	6.06	5.89	6.41	4.50	4.00	5.75	0.0	0.0	11.90	
354	020354	LÊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	11/12/2010	6.8	6.48	6.54	6.23	6.51	4.50	4.00	3.75	0.0	0.0	10.53	
355	020355	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nam	18/11/2010	5.65	5.63	6.05	5.59	5.73	1.75	4.25	3.25	0.0	0.0	8.19	
356	020356	NGUYỄN TRIỆU MINH PHƯƠNG	Nữ	12/12/2010	6.66	7.25	7.4	7.4	7.18	6.50	5.00	5.50	0.0	0.0	14.05	
357	020357	TRẦN THỊ NHẢ PHƯƠNG	Nữ	04/03/2010	6.89	7.09	7.33	7.56	7.22	5.50	3.75	7.00	0.0	0.0	13.54	
358	020358	TRẦN TRÚC PHƯƠNG	Nữ	15/09/2010	7.9	8.11	8.3	8.04	8.09	7.00	6.50	5.50	0.0	0.0	15.73	
359	020359	NGUYỄN PHẠM HỮU PHƯỚC	Nam	30/11/2010	6.31	6.36	6.06	6.64	6.34	4.25	2.75	3.25	0.0	0.0	9.08	
360	020360	PHẠM TRƯỜNG PHƯỚC	Nam	25/12/2010	6.95	6.11	6.19	7.24	6.62	5.50	5.50	5.25	0.0	0.0	13.36	
361	020361	TĂNG THỊ HỒNG PHƯƠNG	Nữ	31/08/2010	5.75	6.18	6.36	7.08	6.34	5.25	4.00	4.75	0.0	0.0	11.70	
362	020362	LƯƠNG QUY QUANG	Nam	22/01/2010	7.51	7.01	7.4	8.16	7.52	7.00	6.25	9.25	0.0	0.0	18.01	
363	020363	TRẦN VINH QUANG	Nam	26/08/2010	7.61	6.96	6.9	6.3	6.94	5.50	3.00	6.00	0.0	0.0	12.23	
364	020364	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	11/09/2010	7.61	7.06	6.75	7.36	7.2	6.08	6.25	3.00	0.0	0.0	12.89	
365	020365	TRẦN MINH QUÂN	Nam	06/12/2010	8.33	9.16	9.01	9.24	8.94	7.25	8.00	9.50	0.0	0.0	20.01	
366	020366	TRẦN MINH QUÂN	Nam	27/12/2010	7.58	7.09	7.56	6.8	7.26	6.25	7.00	5.50	0.0	0.0	15.30	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
367	020367	LÊ NGỌC PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	12/02/2010	7.05	7.41	7.3	7.73	7.37	4.67	4.00	6.00	0.0	0.0	12.48	
368	020368	LÊ TÚ QUYÊN	Nữ	01/11/2010	5.7	7.39	7.54	6.69	6.83	2.00	3.00	4.25	0.0	0.0	8.52	
369	020369	LƯƠNG THỊ KIM QUYÊN	Nữ	18/11/2010	6.69	6.24	6.26	6.68	6.47	5.25	2.50	5.50	0.0	0.0	11.22	
370	020370	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	23/11/2010	6.9	6.96	6.66	6.63	6.79	2.50	3.25	7.00	0.0	0.0	10.96	
371	020371	BÙI HƯƠNG QUỲNH	Nữ	06/05/2010	8.68	9.11	9.31	8.6	8.93	7.25	4.75	5.50	0.0	0.0	14.93	
372	020372	BÙI NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	15/11/2010	7.59	7.1	6.89	7.29	7.22	6.83	3.25	6.50	0.0	0.0	13.77	
373	020373	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	28/11/2010	7.99	7.28	7.19	7.34	7.45	5.00	2.75	4.00	0.0	0.0	10.46	
374	020374	NGUYỄN PHẠM NHƯ QUỲNH	Nữ	06/12/2010	7.74	7.89	8.46	8.35	8.11	6.50	7.25	7.75	0.0	0.0	17.48	
375	020375	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	16/03/2010	7.68	7.89	7.76	8.2	7.88	5.75	6.25	5.00	0.0	0.0	14.26	
376	020376	PHAN NGỌC QUỲNH	Nữ	15/01/2010	8.9	8.76	9.06	9.03	8.94	8.00	7.00	7.25	0.0	0.0	18.26	
377	020377	PHẠM NHƯ QUỲNH	Nữ	10/09/2010	7.26	6.41	6.86	6.41	6.74	4.25	4.25	5.25	0.0	0.0	11.65	
378	020378	HUỲNH PHÚ QUÝ	Nam	27/03/2010	6.88	7.5	7.4	7.39	7.29	5.00	7.00	2.75	0.0	0.0	12.51	
379	020379	NGUYỄN MINH QUÝ	Nam	10/07/2010	5.04	5.28	5.79	5.2	5.33	5.00	0.25	3.50	0.0	0.0	7.72	Liệt
380	020380	TRẦN MINH QUÝ	Nam	20/11/2010	5.15	5.83	6.43	6.34	5.94	6.50	3.00	6.75	0.0	0.0	13.16	
381	020381	NGUYỄN THANH SANG	Nam	26/10/2010	7.34	7.03	7.73	7.73	7.46	6.83	5.00	6.50	0.0	0.0	15.07	
382	020382	NGUYỄN THÀNH SANG	Nam	21/06/2010	6.4	7.78	7.06	6	6.81	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.04	Liệt
383	020383	PHAN PHƯỚC SANG	Nam	12/09/2010	8.78	8.33	8.66	8.35	8.53	7.50	8.25	8.50	0.0	0.0	19.53	
384	020384	TRẦN PHƯỚC SANG	Nam	02/01/2010	5.89	5.73	5.43	6.6	5.91	4.42	2.50	2.50	0.0	0.0	8.37	
385	020385	DƯƠNG PHẠM THÁI SƠN	Nam	16/04/2010	6.1	6.44	6.54	6.4	6.37	4.08	2.50	3.00	0.0	0.0	8.62	
386	020386	HUỲNH NGỌC NAM SƠN	Nam	02/01/2010	6.24	5.75	5.78	6	5.94	1.50	1.00	4.00	0.0	0.0	6.33	
387	020387	PHẠM THÁI SƠN	Nam	01/11/2010	6.13	5.96	6.14	6.04	6.07	4.17	4.50	2.50	0.0	0.0	9.64	
388	020388	NGUYỄN ĐỖ THÀNH TÀI	Nam	20/08/2010	6.96	6.61	7.33	6.91	6.95	4.50	4.50	2.75	0.0	0.0	10.31	
389	020389	NGUYỄN PHAN THÀNH TÀI	Nam	28/09/2010	5.69	5.94	6.18	5.96	5.94	4.00	7.00	4.75	0.0	0.0	12.81	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
390	020390	PHẠM ANH TÀI	Nam	17/05/2009	6.8	6.9	5.64	5.94	6.32	4.25	4.25	7.50	0.0	0.0	13.10	
391	020391	VĂN THẮNG TÀI	Nam	07/05/2010	7.6	8.01	7.55	7.83	7.75	4.50	6.75	5.00	0.0	0.0	13.70	
392	020392	ĐỖ THỊ THANH TÂM	Nữ	04/10/2010	7.06	7.19	6.54	6.7	6.87	5.75	4.00	3.25	0.0	0.0	11.16	
393	020393	NGUYỄN MINH TÂM	Nam	27/10/2010	8.15	8.03	8.45	9.14	8.44	7.00	7.50	8.75	0.0	0.0	18.81	
394	020394	ĐẶNG MINH TÂN	Nam	16/06/2010	6.48	6.48	6.89	6.54	6.6	4.58	7.50	3.25	0.0	0.0	12.71	
395	020395	LÂM THỊ THANH	Nữ	16/08/2010	7	7	7.64	7.44	7.27	4.25	3.00	2.75	1.0	0.0	10.18	
396	020396	THÁI THỊ KIM THANH	Nữ	19/03/2010	5.98	7.21	7.36	7.61	7.04	5.50	5.50	4.00	0.0	0.0	12.61	
397	020397	ĐOÀN TÂN THÀNH	Nam	29/11/2010	8.23	7.79	8.31	8.41	8.19	6.75	7.25	8.75	0.0	0.0	18.38	
398	020398	TỔNG HOÀNG THÀNH	Nam	29/03/2010	6.75	6.98	7.38	7.71	7.21	5.75	4.50	3.75	0.0	0.0	11.96	
399	020399	NGUYỄN ANH THÁI	Nam	11/08/2010	8.04	8.48	8.41	8.51	8.36	6.50	5.50	7.50	0.0	0.0	16.16	
400	020400	NGUYỄN KHẮC THÁI	Nam	09/04/2010	7.41	7.95	8.31	8.04	7.93	5.50	5.75	6.00	0.0	0.0	14.45	
401	020401	NGUYỄN LÊ HOÀNG THÁI	Nam	30/07/2010	7.25	7.73	7.93	7.68	7.65	6.00	5.75	6.75	0.0	0.0	15.25	
402	020402	PHẠM QUỐC THÁI	Nam	22/08/2010	5.83	6.56	6.24	6.49	6.28	4.00	6.00	2.75	0.0	0.0	10.81	
403	020403	NGUYỄN NGỌC THẢO	Nữ	10/02/2010	7.5	7.66	7.86	7.35	7.59	5.50	6.00	4.75	0.0	0.0	13.65	
404	020404	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	23/03/2010	7.25	7.24	6.66	6.79	6.99	5.50	4.25	3.75	0.0	0.0	11.55	
405	020405	NGUYỄN VÕ THANH THẢO	Nữ	10/03/2010	7.78	8.65	8.4	8.9	8.43	7.17	6.25	7.75	0.0	0.0	17.35	
406	020406	HỒ KHÁNH THIÊN	Nam	24/06/2010	7.29	6.23	5.81	6.63	6.49	4.75	4.25	6.00	0.0	0.0	12.45	
407	020407	NGUYỄN QUỐC THIỆN	Nam	22/01/2010	7.54	7.29	7.41	7.26	7.38	5.25	5.50	5.00	0.0	0.0	13.24	
408	020408	NGUYỄN THANH THIỆN	Nam	09/03/2010	6.98	7.38	7.36	6.84	7.14	4.50	4.00	2.50	0.0	0.0	9.84	
409	020409	ĐÀM CƯỜNG THỊNH	Nam	07/11/2010	9.09	8.8	8.75	8.31	8.74	6.25	7.50	7.75	0.0	0.0	17.67	
410	020410	HÙYNH CHÂU NGUYỄN THỊNH	Nam	31/12/2010	6.96	6.9	7.45	7.85	7.29	5.75	5.25	3.25	0.0	0.0	12.16	
411	020411	NGUYỄN KHƯƠNG THỊNH	Nam	02/02/2010	7.4	7.94	7.5	7.99	7.71	6.50	6.50	8.00	0.0	0.0	17.01	
412	020412	NGUYỄN QUỐC THỊNH	Nam	08/12/2010	6.64	6.41	6.2	7.29	6.64	4.75	6.00	6.75	0.0	0.0	14.24	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U ^T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
413	020413	TRẦN NHẬT MINH THỌ	Nam	27/01/2010	6.65	7.28	7.66	7.65	7.31	5.25	7.00	8.00	0.0	0.0	16.37	
414	020414	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	Nam	16/06/2010	6.69	6.86	6.7	6.15	6.6	4.00	1.25	3.75	0.0	0.0	8.28	
415	020415	NGUYỄN TRÍ THÔNG	Nam	08/07/2010	7	7.26	7.84	7.73	7.46	7.75	5.25	8.50	0.0	0.0	17.29	
416	020416	TRẦN MINH THÔNG	Nam	12/05/2010	8.13	7.81	8.25	8.14	8.08	5.25	4.00	2.75	0.0	0.0	10.82	
417	020417	PHẠM NGỌC THỖ	Nữ	17/09/2010	7.98	7.99	8.06	7.59	7.91	6.25	3.00	4.25	0.0	0.0	11.82	
418	020418	NGUYỄN TRUNG THỐI	Nam	16/02/2010	5.94	7.1	6.85	6.53	6.61	4.50	1.75	2.50	0.0	0.0	8.11	
419	020419	NGUYỄN LÊ HIẾU THUẬN	Nam	20/04/2009	7.2	8.1	7.1	6.6	7.25	5.00	5.50	6.50	0.0	0.0	14.08	
420	020420	NGUYỄN THỊ KIM THUẬN	Nữ	26/02/2010	6.83	7.78	7.86	8.09	7.64	6.25	6.25	5.50	0.0	0.0	14.89	
421	020421	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	16/11/2010	7.64	6.78	7.06	7.46	7.24	6.50	4.00	4.25	0.0	0.0	12.50	
422	020422	NGUYỄN THỊ THÁI THỤY	Nữ	05/11/2010	5.53	5.36	5.51	6.48	5.72	3.25	4.25	4.75	0.0	0.0	10.29	
423	020423	ĐỖ ANH THƯ	Nữ	12/10/2010	7.71	8.34	8.01	8.34	8.1	6.75	5.50	6.50	0.0	0.0	15.56	
424	020424	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	Nữ	21/05/2010	6.84	6.89	7.33	6.73	6.95	4.75	6.00	6.00	0.0	0.0	13.81	
425	020425	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	Nữ	04/01/2010	8.26	8.29	8.64	8.2	8.35	6.75	6.00	5.25	0.0	0.0	15.11	
426	020426	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	08/01/2010	8.51	8.81	8.66	8.66	8.66	7.00	6.75	5.50	0.0	0.0	16.07	
427	020427	PHẠM VÕ MINH THƯ	Nữ	17/05/2010	8.84	8.29	8.71	9.01	8.71	8.25	9.25	7.25	0.0	0.5	20.44	
428	020428	TRẦN THIÊN THƯ	Nữ	06/03/2010	7.15	7.5	7.7	7.93	7.57	5.00	5.00	5.75	0.0	0.0	13.30	
429	020429	VÕ HOÀNG ANH THƯ	Nữ	24/01/2010	7.21	8.06	8.16	7.25	7.67	6.75	1.75	4.75	0.0	0.0	11.58	
430	020430	ĐÀM NGUYỄN DIỆU THƯƠNG	Nữ	08/02/2010	7.44	6.55	6.71	7.06	6.94	5.25	6.75	4.00	0.0	0.0	13.28	
431	020431	NGUYỄN NGỌC NHẢ THY	Nữ	13/04/2010	7.33	7.31	7.41	7.13	7.3	5.25	2.75	4.50	0.0	0.0	10.94	
432	020432	TRẦN NHẬT THY	Nữ	01/01/2010	7.59	7.76	7.73	7.88	7.74	5.75	4.00	6.50	0.0	0.0	13.70	
433	020433	CAO THỊ MỸ TIỀN	Nữ	03/07/2010	8.98	8.13	7.68	7.25	8.01	4.00	4.00	6.75	0.0	0.0	12.73	
434	020434	KIỀU TÔN THỦY TIỀN	Nữ	01/03/2010	7.45	7.46	7.33	6.99	7.31	2.25	2.75	4.75	0.0	0.0	9.02	
435	020435	NGUYỄN NGỌC BẢO TIỀN	Nữ	04/02/2010	7.41	7.86	7.64	7.65	7.64	5.75	2.00	4.50	0.0	0.0	10.87	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
436	020436	TRÀ TRÚC TIỀN	Nữ	19/08/2010	6.86	7.18	7.34	7.64	7.26	5.50	2.25	5.25	0.0	0.0	11.28	
437	020437	TRẦN MỸ TIỀN	Nữ	29/11/2010	7.35	8.69	8.38	7.96	8.1	5.75	5.50	5.50	0.0	0.0	14.16	
438	020438	TRẦN THỦY TIỀN	Nữ	28/05/2010	8.15	8.24	8.28	8.51	8.3	6.75	4.00	6.00	0.0	0.0	14.22	
439	020439	HOÀNG KIM TIỀN	Nữ	01/12/2010	6.98	7.06	7.35	7.68	7.27	6.00	5.25	3.75	0.0	0.0	12.68	
440	020440	NGUYỄN DƯƠNG HẢI TIỀN	Nam	12/03/2010	7.83	7.08	7.2	7.41	7.38	5.00	5.00	4.75	0.0	0.0	12.54	
441	020441	NGUYỄN MẠNH TIỀN	Nam	11/01/2010	7.94	7.69	7.55	7.94	7.78	6.25	7.75	6.50	0.0	0.0	16.68	
442	020442	NGUYỄN PHƯƠNG TIỀN	Nam	14/12/2010	7.54	7.48	7.66	7.48	7.54	5.75	3.50	4.00	0.0	0.0	11.54	
443	020443	MAI HUỲNH ĐỨC TÍN	Nam	01/06/2010	8.01	7.95	7.84	8.21	8	7.00	6.00	3.75	0.0	0.0	14.13	
444	020444	NGUYỄN LÊ MINH TOÀN	Nam	09/04/2010	7.14	6.93	6.21	6.98	6.82	5.25	3.75	5.25	0.0	0.0	12.02	
445	020445	NGUYỄN THÁI TOÀN	Nam	20/12/2009	7.28	6.93	6.55	6.94	6.93	5.25	5.50	3.00	0.0	0.0	11.70	
446	020446	DƯƠNG NGỌC THỦY TRANG	Nữ	16/08/2010	6.04	6.51	7.38	6.76	6.67	5.50	3.75	2.50	0.0	0.0	10.23	
447	020447	LÊ THỊ THỦY TRANG	Nữ	03/03/2010	6.06	6.26	6.85	6.51	6.42	4.50	2.50	2.75	0.0	0.0	8.75	
448	020448	TRẦN THỊ NGỌC TRANG	Nữ	14/10/2010	8.15	8.54	8.89	8.74	8.58	7.00	6.75	3.50	0.0	0.0	14.65	
449	020449	TRƯƠNG THU TRANG	Nữ	14/02/2010	8.05	7.23	7.85	7.43	7.64	5.00	4.00	5.50	0.0	0.0	12.44	
450	020450	VÕ THỊ THUỶ TRANG	Nữ	11/09/2010	8.31	8.46	8.34	8.05	8.29	5.25	5.00	7.75	0.0	0.0	15.09	
451	020451	LÊ THỊ HOÀI TRÂM	Nữ	21/04/2010	7.53	8.26	9.13	8.68	8.4	5.25	6.00	7.00	0.0	0.0	15.30	
452	020452	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	14/10/2010	7.83	7.88	6.84	7.73	7.57	5.50	4.25	2.50	0.0	0.0	10.85	
453	020453	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	02/04/2010	6.65	7.7	7.84	7.59	7.45	4.75	1.75	6.75	0.0	0.0	11.51	
454	020454	PHẠM NGỌC TRÂM	Nữ	15/08/2010	8.29	7.05	7.58	6.96	7.47	5.75	3.25	5.75	0.0	0.0	12.57	
455	020455	THẠCH PHƯƠNG TRÂM	Nữ	20/10/2010	8.49	8.34	8.45	8.06	8.34	5.25	3.50	7.00	1.0	0.0	14.53	
456	020456	TRẦN KIỀU TRÂM	Nữ	18/11/2010	8.26	7.93	8.23	7.79	8.05	6.00	4.25	5.75	0.0	0.0	13.62	
457	020457	TRẦN NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	12/07/2010	8.78	8.8	9.05	9.03	8.92	7.75	5.25	7.25	0.0	0.0	16.85	
458	020458	TRẦN VŨ QUỲNH TRÂM	Nữ	02/12/2010	8.53	8.41	8.21	7.85	8.25	6.00	4.75	7.75	0.0	0.0	15.43	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
459	020459	VÕ THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	21/12/2010	9.15	8.85	9	9.25	9.06	7.25	8.00	9.25	0.0	0.0	19.87	
460	020460	VƯƠNG BÍCH TRÂM	Nữ	19/04/2010	7.48	7.51	7.79	7.19	7.49	5.50	4.50	5.00	0.0	0.0	12.75	
461	020461	ĐOÀN NGUYỄN BẢO TRÂN	Nữ	08/10/2010	8.2	8.48	9.09	8.46	8.56	6.25	6.50	8.25	0.0	0.0	17.27	
462	020462	ĐỖ LÊ NGỌC TRÂN	Nữ	12/02/2010	8.05	8.26	7.41	7.11	7.71	5.75	2.00	2.50	0.0	0.0	9.49	
463	020463	LƯƠNG BẢO TRÂN	Nữ	22/12/2010	9.01	8.56	8.94	8.91	8.86	7.25	5.25	7.00	0.0	0.0	16.31	
464	020464	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂN	Nữ	01/06/2010	8.04	7.64	6.86	6.61	7.29	4.50	3.25	4.25	0.0	0.0	10.59	
465	020465	TRẦN HUYỀN TRÂN	Nữ	18/08/2010	9.19	9.19	9.3	9.36	9.26	7.25	6.75	8.50	0.0	0.0	18.53	
466	020466	TRẦN LƯƠNG NHÃ TRÂN	Nữ	22/01/2010	8.28	8.56	8.49	8.46	8.45	7.50	5.25	5.50	0.0	0.0	15.31	
467	020467	NGUYỄN ANH TRIẾT	Nam	23/11/2010	6.99	6.8	7.14	7.05	7	5.50	4.75	4.50	0.0	0.0	12.43	
468	020468	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	03/08/2010	7.49	7.91	7.91	7.58	7.72	5.50	4.25	4.25	0.0	0.0	12.12	
469	020469	TRỊNH THỊ LAN TRINH	Nữ	24/10/2010	9.2	9.34	9.16	9.21	9.23	7.75	7.75	9.25	0.0	0.0	20.09	
470	020470	NGUYỄN KHÁNH TRINH	Nam	01/01/2010	6.86	6.59	6.86	7	6.83	5.75	4.25	4.75	0.0	0.0	12.37	
471	020471	LŨ ĐÌNH TRÍ	Nam	14/12/2010	6.81	6.8	7.15	6.69	6.86	1.75	3.50	5.25	0.0	0.0	9.41	
472	020472	LÝ THÀNH TRÍ	Nam	02/08/2010	7.99	7.16	7.46	6.84	7.36	4.00	5.00	4.25	0.0	0.0	11.48	
473	020473	MAI HUỲNH ĐỨC TRÍ	Nam	01/06/2010	7.73	8.04	8.11	8.08	7.99	5.25	6.75	5.00	0.0	0.0	14.30	
474	020474	PHAN NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	09/11/2010	8.95	8.53	9.08	9.1	8.92	7.75	8.25	6.50	0.0	0.0	18.43	
475	020475	PHẠM ĐỨC TRÍ	Nam	21/12/2010	6.34	6.58	6.83	7.2	6.74	5.00	5.25	4.00	0.0	0.0	12.00	
476	020476	TRẦN MINH TRÍ	Nam	17/07/2010	6.28	6.13	6.94	6.7	6.51	3.50	6.50	5.75	0.0	0.0	12.98	
477	020477	VÕ MINH TRÍ	Nam	01/06/2010	9.33	9.16	8.79	8.5	8.95	7.25	5.75	7.75	0.0	0.0	17.21	
478	020478	NGUYỄN DUY TRỌNG	Nam	09/06/2009	7.86	7.71	7.44	7.53	7.64	6.25	4.75	2.25	0.0	0.0	11.57	
479	020479	HUỲNH MINH TRUNG	Nam	05/08/2010	6.33	7.06	7.24	6.86	6.87	4.75	3.75	4.00	0.0	0.0	10.81	
480	020480	TRẦN MINH TRUNG	Nam	06/05/2010	7.41	7.31	7.73	7.66	7.53	5.50	1.50	4.50	0.0	0.0	10.31	
481	020481	LÊ THANH TRUYỀN	Nam	12/02/2010	8.38	7.94	7.84	7.99	8.04	5.75	6.00	4.50	0.0	0.0	13.79	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
482	020482	DƯƠNG THANH TRÚC	Nữ	07/12/2010	7.74	7.96	7.88	7.88	7.87	5.50	6.00	6.25	0.0	0.0	14.79	
483	020483	LÊ THANH TRÚC	Nữ	01/02/2010	6.33	6.5	6.58	6.76	6.54	4.00	6.00	7.25	0.0	0.0	14.04	
484	020484	NGUYỄN HUỠNH NGỌC TRÚC	Nữ	25/11/2010	8.41	8.24	8.24	8.53	8.36	6.50	5.00	5.00	0.0	0.0	14.06	
485	020485	NGUYỄN QUỲNH THANH TRÚC	Nữ	06/04/2010	9.13	8.69	8.94	9.14	8.98	7.50	7.25	7.50	0.0	0.0	18.27	
486	020486	TRẦN THANH TRÚC	Nữ	25/02/2010	9.1	9.09	9.13	9.23	9.14	6.75	7.50	9.25	0.0	0.0	19.19	
487	020487	VÔ THỊ THANH TRÚC	Nữ	01/01/2010	8.3	8.23	8.16	8.46	8.29	6.50	4.00	7.00	0.0	0.0	14.74	
488	020488	HOÀNG NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	25/09/2010	7.81	7.4	8.13	8.03	7.84	6.25	7.00	6.00	0.0	0.0	15.83	
489	020489	HUỠNH NHẬT TRƯỜNG	Nam	22/01/2010	8.09	8.41	8.48	8.7	8.42	6.75	6.00	5.75	0.0	0.0	15.48	
490	020490	NGÔ QUANG TRƯỜNG	Nam	10/11/2010	6.65	7.05	6.71	7.33	6.94	4.75	3.75	2.75	0.0	0.0	9.96	
491	020491	PHAN NHẬT TRƯỜNG	Nam	12/06/2010	7.53	7.64	7.91	8.16	7.81	5.75	6.75	8.50	0.0	0.0	17.04	
492	020492	HUỠNH PHẠM TUẤN	Nam	14/05/2010	6.96	6.6	7.19	7.33	7.02	4.50	4.25	4.50	0.0	0.0	11.38	
493	020493	LÂM VIỆT TUẤN	Nam	19/10/2010	7.38	7	7.75	7.19	7.33	5.75	5.00	7.75	0.0	0.0	15.15	
494	020494	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	01/09/2010	5.1	5.11	5.65	6.29	5.54	4.50	2.75	3.25	0.0	0.0	9.01	
495	020495	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	29/04/2010	5.71	5.98	6.06	6.41	6.04	4.00	5.25	4.50	0.0	0.0	11.44	
496	020496	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Nam	12/08/2010	6.95	7.96	8.01	7.88	7.7	6.25	4.75	2.75	0.0	1.5	13.44	
497	020497	LỮ NGỌC LAN TUYỀN	Nữ	09/01/2010	6.84	7.76	7.6	7.73	7.48	5.00	3.00	5.00	0.0	0.0	11.34	
498	020498	NGUYỄN THANH TUYỀN	Nữ	12/06/2010	6.86	7.14	7.93	7.88	7.45	5.00	5.50	6.25	0.0	0.0	13.96	
499	020499	ĐINH NGỌC TÚ	Nữ	20/08/2010	7.05	6.99	7.28	7.09	7.1	5.25	5.25	3.25	0.0	0.0	11.76	
500	020500	NGÔ HUỆ CẨM TÚ	Nữ	08/04/2010	7.86	8.43	7.8	7.9	8	4.00	2.50	5.00	1.0	0.0	11.45	
501	020501	NGUYỄN THANH TÚ	Nam	26/04/2010	6.89	7.2	6.96	7.29	7.09	7.00	6.25	5.00	0.0	0.0	14.90	
502	020502	NGUYỄN TIẾN TÚ	Nam	14/05/2010	5.4	5.68	5.75	6.08	5.73	4.25	2.50	5.00	0.0	0.0	9.94	
503	020503	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	Nam	16/12/2010	8.48	8.03	7.98	8.18	8.17	6.00	6.25	3.75	0.0	0.0	13.65	
504	020504	NGUYỄN PHẠM CÁT TƯỜNG	Nam	31/08/2010	7.75	8.4	8.55	8.44	8.29	5.75	6.25	7.75	0.0	0.0	16.31	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
505	020505	HUỲNH NHÃ UYÊN	Nữ	04/08/2010	6.41	6.74	6.96	7.24	6.84	6.00	5.50	8.00	0.0	0.0	15.70	
506	020506	NGUYỄN HOÀNG UYÊN	Nữ	22/11/2010	8.88	8.88	8.86	8.86	8.87	7.50	7.25	8.50	0.0	0.0	18.94	
507	020507	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	16/04/2010	7.49	7.91	7.99	8.18	7.89	5.25	6.25	4.25	0.0	0.0	13.39	
508	020508	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	19/08/2010	7.94	8.6	8.24	8.05	8.21	5.75	6.25	6.25	0.0	0.0	15.24	
509	020509	NGUYỄN THANH UYÊN	Nữ	09/04/2010	8.09	8.38	8.15	8.04	8.17	5.50	6.00	9.50	0.0	0.0	17.15	
510	020510	NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN	Nữ	12/02/2010	8.06	8.19	8.4	8.18	8.21	4.50	5.75	3.50	0.0	0.0	12.09	
511	020511	PHAN ĐẶNG THÚY UYÊN	Nữ	01/11/2010	7.49	7.34	7.38	7.83	7.51	5.00	6.75	3.75	0.0	0.0	13.10	
512	020512	PHAN THÁI KỲ UYÊN	Nữ	18/10/2010	6.84	7.81	8.28	8.15	7.77	7.75	4.00	3.00	0.0	0.0	12.66	
513	020513	LÊ TRẦN THẢO VÂN	Nữ	02/09/2010	7.86	8.01	8.48	8.23	8.15	6.25	6.25	6.25	0.0	0.0	15.57	
514	020514	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VÂN	Nữ	05/07/2010	7.33	7.65	7.99	8.38	7.84	5.50	3.50	6.25	0.0	0.0	13.03	
515	020515	TRẦN THỊ KHÁNH VÂN	Nữ	28/06/2010	8.06	7.21	7.23	7.24	7.44	4.75	7.00	5.50	0.0	0.0	14.31	
516	020516	TRẦN THU VÂN	Nữ	06/10/2010	7.88	8.85	7.86	8.21	8.2	6.50	6.00	6.00	0.0	0.0	15.41	
517	020517	HUỲNH YẾN VI	Nữ	04/05/2010	8.85	9.25	9.25	9.04	9.1	7.50	7.50	6.50	0.0	0.0	17.78	
518	020518	PHẠM QUANG VIỆT	Nam	20/01/2010	8.35	8.33	8.41	8.81	8.48	6.50	7.75	8.25	0.0	0.0	18.29	
519	020519	TRẦN VÔ QUỐC VIỆT	Nam	28/11/2010	6.84	6.64	6.78	6.78	6.76	5.50	7.25	8.50	0.0	0.0	16.90	
520	020520	CAO PHÚ VINH	Nam	01/04/2010	6.16	5.43	6.16	6.51	6.07	5.00	1.50	3.75	0.0	0.0	9.00	
521	020521	NGUYỄN CAO HIỀN VINH	Nam	19/07/2010	8.43	8.51	7.96	7.74	8.16	5.75	7.50	7.50	0.0	0.0	16.97	
522	020522	NGUYỄN CAO THIÊN VINH	Nam	21/06/2010	7.69	8.46	8.61	8.78	8.39	7.50	4.50	7.75	0.0	0.0	16.34	
523	020523	NGUYỄN UY VŨ	Nam	01/01/2010	8.69	8.55	8.43	8.86	8.63	7.25	7.75	9.25	0.0	0.0	19.56	
524	020524	DƯƠNG NGỌC THẢO VY	Nữ	19/08/2010	7.01	7.26	7.6	7.58	7.36	6.25	4.25	4.75	0.0	0.0	12.88	
525	020525	ĐOÀN LÊ YẾN VY	Nữ	25/05/2010	6.89	6.66	6.01	5.79	6.34	4.25	0.00	2.75	0.0	0.0	6.80	Liệt
526	020526	ĐUỜNG KHÁNH VY	Nữ	25/08/2010	7.59	8	7.31	7.68	7.65	4.50	5.00	3.25	0.0	0.0	11.22	
527	020527	HUỲNH PHƯƠNG VY	Nữ	17/05/2010	6.84	6.9	7.46	8	7.3	6.50	3.25	2.50	0.0	0.0	10.77	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
528	020528	LÊ NGỌC PHƯƠNG VY	Nữ	30/05/2010	8.69	8.58	8.33	7.96	8.39	6.75	4.50	5.25	0.0	0.0	14.07	
529	020529	NGUYỄN HUỠNH THẢO VY	Nữ	23/07/2010	6.71	7.19	7.28	7.64	7.21	5.50	3.50	5.25	0.0	0.0	12.14	
530	020530	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	02/10/2010	6.41	6.3	6.64	7	6.59	4.25	4.00	4.50	0.0	0.0	10.90	
531	020531	NGUYỄN THUỶ VY	Nữ	21/12/2010	8.99	9.13	9.06	8.91	9.02	7.00	7.50	7.50	0.0	0.0	18.11	
532	020532	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG VY	Nữ	17/05/2010	8.34	7.49	7.59	7.3	7.68	4.25	3.50	2.75	0.0	0.0	9.65	
533	020533	NGUYỄN TRẦN YẾN VY	Nữ	26/08/2010	6.1	7.05	7.73	7.49	7.09	6.50	3.75	3.75	0.0	0.0	11.93	
534	020534	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	28/03/2010	7.69	8.63	8.15	8.19	8.17	6.00	3.75	5.25	0.0	0.0	12.95	
535	020535	PHAN TRÚC VY	Nữ	28/04/2010	7.96	7.78	8.04	8.34	8.03	7.00	4.25	8.25	0.0	0.0	16.06	
536	020536	PHẠM PHƯƠNG VY	Nữ	30/04/2010	7.49	7.1	6.93	7.11	7.16	4.75	2.25	3.25	0.0	0.0	9.32	
537	020537	THÁI GIA VY	Nữ	04/01/2010	6.69	6.18	6.95	7.14	6.74	3.25	2.75	3.50	0.0	0.0	8.67	
538	020538	TRẦN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	22/02/2010	7.91	7.39	7.7	7.59	7.65	5.25	1.75	7.50	0.0	0.0	12.45	
539	020539	TRƯƠNG KHÁNH VY	Nữ	17/12/2010	9	8.55	8.41	8.09	8.51	7.00	4.25	6.25	0.0	0.0	14.80	
540	020540	TRẦN THANH VỸ	Nam	19/04/2010	6.44	6.29	6.61	6.95	6.57	5.00	6.00	5.75	0.0	0.0	13.70	
541	020541	CHIÊM LÊ HẢI YẾN	Nữ	22/02/2010	8.41	7.64	7.45	7.35	7.71	5.50	6.25	3.25	0.0	0.0	12.81	
542	020542	CHUNG HUỠNH KIM YẾN	Nữ	15/08/2010	6.66	6.4	6.85	6.66	6.64	6.50	4.75	6.00	0.0	0.0	14.07	
543	020543	LÊ HẢI YẾN	Nữ	14/01/2010	6.89	6.88	7.24	7.84	7.21	6.25	4.50	5.50	0.0	0.0	13.54	
544	020544	NGUYỄN TRƯỞNG BẢO YẾN	Nữ	08/11/2010	6.23	6.91	6.13	6.78	6.51	5.00	3.00	7.25	0.0	0.0	12.63	
545	020545	PHAN BẢO YẾN	Nữ	28/10/2010	8.3	7.81	8.14	7.83	8.02	7.00	5.50	4.75	0.0	0.0	14.48	
546	020546	TRẦN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	08/11/2010	8.26	7.54	8.28	8.46	8.14	7.25	4.25	8.25	0.0	0.0	16.27	
547	020547	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	24/05/2010	7.96	7.78	7.78	7.63	7.79	5.25	5.00	4.50	0.0	0.0	12.66	
548	020548	VŨ LÊ NHƯ Ý	Nữ	14/12/2010	8.3	8.94	8.75	8.39	8.6	7.25	6.50	8.25	0.0	0.0	17.98	

Danh sách này có 548 thí sinh/

Cán bộ in


Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm


Võ Thùy Trang

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng